

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 68

Số câu: Từ câu “từ đây trở xuống, văn chính là phần thứ ba nói về sự thù thắng của Quả” văn nơi bản Số giải gồm ba:

Một: Thâu tóm về quả vị

Hai: Từ câu “Dựa nơi Luận” tiếp xuống: Là nhận định tổng quát.

Ba: Từ câu “nay nói về phần thứ nhất” tiếp xuống: Là chính thức giải thích

Số câu: Từ câu “Thứ nhất, ý chung cho năm Quả” tức chính thức nêu lên ý được nhắc lại trong kinh chỗ, là ý nêu rõ về mười môn chung thành năm Quả, nhằm ngăn chặn sự lệ thuộc phối hợp riêng của người xưa. Nghĩa là, Đại sư Tuệ Viễn nói;

Một là: “Sự thù thắng của đối trị và lìa chướng” là quả của sự đối trị thắng mạn. Trước thu thập mười thứ quán pháp bình đẳng, làm sự đối trị. Trong chỗ đầy đủ của địa này, lại dùng ba giải thoát hết sức thâm diệu làm sự đối trị, nên gọi là “Chỗ thù thắng của đối trị”. Trước thì đối trị mạn, chướng nhiễm tịnh của năm địa. Nay, văn ở đây lại dứt trừ Tâm ngã vi tế cùng nẻo Có, Không v.v... nên gọi là “Sự thù thắng của diệt chướng ngại”

Hai là: “Sự thù thắng của Tu hành” là Quả thù thắng của “Chẳng trụ đạo Hành” ở trước. Dựa nơi “Chẳng trụ “ ở trước, lại dứt khởi sự tu tập thù thắng, nên gọi là sự thù thắng của tu hành

Ba là: “Được sự thù thắng của Tam muội”: Đối chiếu với chỗ đối trị thù thắng ở trước để nói về Quả. Trước tu tập ba giải thoát để làm sự đối trị. Sự đối trị ấy tăng dần, nên gọi là “sự thù thắng của Tam muội”.

Bốn là: “Được sự thù thắng của tâm chẳng hoại”: So với chỗ diệt trừ chướng ngại ở trước để nói về Quả này. Do diệt trừ chướng ngại, nên Tâm Tam muội chẳng thể bị huỷ hoại, gọi là “Tâm chẳng huỷ hoại”

Năm là: “Lực tự tại thù thắng”: Đối chiếu với chỗ tu tập ở trước để nói về Quả này. Dựa nơi sự tu hành ở trước càng thêm tinh tấn, không ngăn ngại, nên gọi là “Lực tự tại”

Giải thích: Trên đây, ý nhằm nêu rõ về hai Quả trước, từ văn trước sinh khởi ba Quả sau, là từ hai Quả trước sinh. Nay phần Số giải có hai ý:

Một: Giải thích tổng quát

Hai: Từ câu “cũng có thể lần lượt” tiếp xuống: Là giải thích sự lần lượt. Nay nói về phần một, chỉ nêu rõ phần chung là Quả thù thắng của “chẳng trụ đạo hành”, sự thù thắng này, trước tiên là nêu tổng quát về Tâm, Cảnh có ba Bi ba Trí. Kinh viết: “lại dùng đại bi đứng đầu, đại bi tăng thượng, đại bi đầy đủ, quán xét sự sinh diệt nơi thế gian”

Giải thích: Quán xét sự sinh diệt nơi thế gian, tức là Trí đối với ba Bi nêu trên để thành ba Trí. Đây tức năm Quả không ra ngoài nơi hai. Văn gồm ba đoạn:

1) Dùng cả hai Bi, Trí tu hành đối trị

2) Do Bi Trí thành tựu vững chắc

3) Cả hai Bi, Trí nêu rõ hai Quả tự tại

Đây tức là “Cách câu” cùng đối nhau.

Số câu: Từ câu “Hiển bày tác dụng Không của hai Ngã”

Ý nêu rõ Người, Pháp cùng có nghĩa chủ thể tạo tác. Điều gọi là “Tác giả”, chẳng phải là căn cứ nơi Ngã thuộc về Người riêng là không.

Số câu: Từ câu “Hai là trong môn Vô tướng” tiếp xuống: Nói về phần diệt trừ chướng, văn nơi bản Số giải gồm bốn:

Một: Giải thích tổng quát.

Hai: Từ câu “Nghĩa là nếu nhập nơi môn Không” tiếp xuống: Là nêu chính để làm rõ chỗ sai Trí Luận viết: “Ba giải thoát ấy trong Ma ha điển chỉ là một pháp để hành nhân duyên, nên nói có ba thứ, Quán các pháp Không đó là “môn Không”. Trong Không chẳng thể chấp giữ lấy tướng, lúc ấy nơi “môn Không” chuyển gọi là “Vô tướng”. Trong Vô tướng không thể tương ứng có chỗ tạo tác làm sinh khởi của ba cõi. Lúc ấy Vô tướng chuyển tên gọi là Vô tác. Như ba cửa của một thành trì, Thân của một người chẳng thể cùng một lúc theo ba cửa mà vào. Thật tướng của các pháp là thành trì Niết-bàn, hành có ba cửa. Nếu đi vào cửa Không “Bất chẳng thủ đắc không” cũng không chấp giữ lấy tướng, thì người ấy đã hội nhập vào sự đã hoàn thành, chẳng cần hai cửa kia.

Ba: Từ câu “như thấy pháp, trước có” tiếp xuống: Là nêu chỗ trái, hiển bày tu tập trí, Luận viết: “Nếu giữ lấy tướng Không của các pháp, sinh khởi kiêu mạn, cho mình đã nhận biết thật tướng, thì nên học về môn Vô tướng để dứt trừ tướng Không”

Bốn: Từ câu “Cho nên tu tập về Vô tướng” tiếp xuống: Là tóm tắt, xác nhận về ý tu tập là diệt trừ chướng ngại.

Đại sư Tuệ Viên nói: Trong phần hai gồm ba chi tiết:

- 1) Diệt trừ chướng, tức Tâm giữ lấy Tánh mắt.
- 2) Được đối trị tức chứng đắc Lý là đối trị.
- 3) Niệm Tướng chẳng Hành, tức Tâm chấp giữ tướng diệt.

Ba chi tiết này cũng là: chi tiết một là phân biệt chỗ khác với hàng phàm phu. Hai chi tiết sau là khác với hàng Nhị thừa.

Sớ câu: Từ câu “Ba là trong môn Vô nguyện thì thứ nhất là nương tựa” Trí Luận nói: “Nếu ở trong Vô tướng sinh hý luận phân biệt, có chỗ tạo tác, thì nên tu tập môn Vô tác. Nay không còn hý luận phân biệt, tức có thể tu tập “Vô nguyện”, nên là “nương tựa”

Sớ câu: Từ câu “Lại nữa, ba Không trên” tiếp xuống: Là phân biệt về Giáo, Trí, Luận viết: “A tỳ đàm nói về Không môn, duyên nơi Khổ đế, thâm tóm năm uẩn. Vô tướng môn duyên với Số, với Tận; Vô tác môn duyên ba đế còn lại thâm nhiếp năm uẩn. Ba môn của Ma ha diễn duyên chung nơi thật tướng của tất cả các pháp, dùng ba cửa giải thoát ấy quán xét thế gian, tức là Niết-bàn”

Giải thích: Đối chiếu nơi văn có thể nhận biết.

Nói: “Phần còn lại như nơi Trí Luận”: Luận viết: “kinh nói một nữa Niết-bàn nay nói là ba nghĩa là pháp tuy có một mà nghĩa có ba. Lại nữa, cần phải vượt qua ba thứ chướng, tức là Ai Nhiều, Kiến Nhiều Chấp, và Ái Kiến đều nhiều. Nhiều Kiến chấp thì thuyết giảng “môn không”. Nhiều Ai thì nên giảng môn Vô tác. Ai Kiến đều nhiều thì nên giảng môn Vô tướng. Nghĩa là không còn tướng nam nữ v.v..., đoạn trừ Ai thì không còn tướng một, khác v.v..., đoạn trừ Kiến chấp thì đều là nghĩa còn lại ở trong ấy”

Sớ câu: Từ câu “Thứ nhất là lìa ba tướng”

Lìa Tướng về ngã kia là một. Lìa Tướng về người tạo tác là hai. Lìa Tướng về người thọ nhận là ba. Lìa tướng về Có, Không tuy chung cả hai môn, nhưng một môn Vô nguyện thì phần nhiều căn cứ nơi lìa Có.

Sớ câu: Từ câu “Đây là dùng cái không thâm diệu để lìa, diệt hai Ngã”: Tức là lìa Tướng chấp về Ngã, kia, chung cả Người pháp,

hai Ngã là không. Thế nào là thâm diệu? địa thứ năm tuy căn cứ theo pháp hạnh để nói về mười bình đẳng, nhưng nay thì nêu trực tiếp về cái Không thâm diệu. Lại, trước là quán xét, Gia hạnh, nay đã trụ nơi không Bát-nhã hiện tiền. Cho nên “Hai là trong bốn địa, đạo phẩm có Thân thọ v.v...”, “Ba là địa này đầu tiên dùng mười bình đẳng, mười tướng chưa mất hẳn”

Sớ câu: Từ câu “Thứ nhất là tướng chán lia”: Trong sự tu tập dừng mãnh nêu trên thì, trước là nhận biết, sau là chán lia. Nay thì tu tập với chí trọng phu, trước là chán lia, sau là chứng đắc, tức nêu rõ sự tiến dần thù thắng

Sớ câu: Từ câu “Lại, đều chưa đầy đủ nên đều chẳng trụ, diễn rộng như nơi kinh Tịnh Danh”: Kinh Tịnh Danh tức quyển thứ ba, phẩm Bồ-tát Hạnh, Bồ-tát ở thế giới chúng Hương muốn trở về bản quốc, đã bạch Phật cầu pháp nói: Kính xin đức Thế Tôn ban cho một ít pháp, để khi trở lại cõi ấy sẽ luôn nghĩ đến đức Như Lai. Phật bảo các vị Bồ-tát có pháp môn giải thoát tận cùng và Vô tận, các vị nên học. Thế nào là tận cùng? Là pháp hữu vi? Thế nào là Vô tận? Đó là pháp Vô vi. Như Bồ-tát chẳng tận cùng nơi pháp Hữu vi, chẳng trụ nơi pháp Vô vi. Thế nào là chẳng tận nơi pháp Hữu vi? Nghĩa là chẳng lia đại từ, chẳng bỏ đại bi, phát tâm cầu đạt nhất Thiết Trí, mà không hề quên mất” cho đến nói: “dùng giáo pháp Đại thừa để thành Bồ-tát tăng, tâm không buông lung, chẳng mất các hành thiện. Như pháp ấy, đó gọi là “Bồ-tát chẳng tận nơi pháp Hữu vi. Thế nào là chẳng trụ nơi pháp Vô vi? Nghĩa là tu học pháp Không, chẳng dùng “Không” để chứng đắc. Tu học pháp Vô tướng, vô tác, chẳng dùng Vô tướng, vô tác để chứng đắc”. Cho đến đoạn: “Quán các pháp hư vọng, không ngã, không nhân, không chủ, không tướng. Bản nguyện chưa viên mãn mà chẳng hư dối đối với phước đức, thiền định trí tuệ. Tu tập pháp như thế, đó gọi là Bồ-tát chẳng trụ nơi pháp Vô vi. Lại nữa, gồm đủ phước đức nên chẳng trụ nơi Vô vi. Đây đủ trí tuệ nên chẳng trụ nơi Hữu vi. Đại từ bi nên chẳng trụ nơi Vô vi. Bản nguyện viên mãn nên chẳng tận nơi Hữu vi. Tích tập thuốc pháp nên chẳng trụ nơi Vô vi. Tùy thuận để trao thuốc nên chẳng tận nơi Hữu vi. Biết rõ về bệnh của chúng sinh nên chẳng trụ nơi Vô vi, diệt trừ bệnh của chúng sinh nên chẳng tận nơi Hữu vi.”

Giải thích: Tuy nhiên ý nơi kinh Tịnh Danh chỉ phân biệt nơi hai thừa. Nghĩa là hai thừa tận Có trụ Không. Có là ba tướng nên gọi là tận, không là Vô tướng nên gọi là trụ. Hoặc tận, hoặc trụ tức là có ngăn ngại. Chẳng tận, chẳng trụ, là pháp vô ngại. Nhưng là một pháp theo

nơi sự tướng mà phân nên là hai riêng. Tận Có, tức Không dấy khởi hành địa của tu đức. Trụ Không, tức dứt tuyệt khả năng của từ bi hóa đạo. Do đó hàng đại sĩ đều không làm, mà văn của kinh kia gồm hai:

1) Chính thức giải thích về chẳng trụ, chẳng tận

2) Từ câu “lại nữa, gồm đủ phước đức” tiếp xuống: Là giải thích lý do của chẳng trụ chẳng tận. Nghĩa là phạm tích chứa công đức ắt bước lên “bên có”. Nếu trụ nơi Vô vi thì công đức chẳng đủ.

“Gồm đủ trí tuệ nên chẳng tận nơi Hữu vi”: Tức sự sáng suốt của Trí, ắt do rộng lớn, nếu phước bỏ Hữu vi, thì trí tuệ không đủ, mà đại bi chẳng tận. Nhưng văn diễn rộng nên nêu rõ về văn, nếu đối chiếu với kinh này thì chỉ là nghĩa “chẳng trụ nơi Vô vi” thiếu nghĩa “chẳng tận nơi Hữu vi”. Nay sơ hướng đến nêu, “công đức trợ đạo chưa đầy đủ nên chẳng trụ nơi Vô vi” tức là hoàn toàn giống với ý nơi văn của kinh Tịnh Danh.

Nói: “Trí Tuệ trợ đạo chưa đầy đủ nên chẳng trụ nơi Hữu vi” tức sử dụng một phần văn nơi kinh Tịnh Danh. Trong ấy nói: “Gồm đủ trí tuệ nên chẳng tận nơi Hữu vi. Do tận nơi Hữu vi nên chẳng thành trí rộng lớn, vì thế nên chẳng tận. Nay cho trụ nơi Hữu vi, nên chẳng thành trí sâu xa, do vậy mà chẳng trụ. Tức là nghĩa gồm đủ trí tuệ nên chẳng trụ nơi sinh tử, gồm đủ đại bi nên chẳng trụ nơi Niết-bàn.

Nói: “Lại đều chưa đủ nên đều chẳng trụ”: Nghĩa là cần nêu ngược lại phần trên. Trí Tuệ trợ đạo chưa đầy đủ nên chẳng trụ với Vô vi, công đức trợ đạo chưa đầy đủ nên chẳng trụ nơi Hữu vi. Tức nếu trụ nơi Vô vi thì chẳng thành chủng trí. Là vì chẳng đi vào biển lớn sinh tử, thì chẳng thể sinh báu Nhất Thiết Trí. Nếu trụ nơi Hữu vi thì tự chìm trong sinh tử, sao có thể thành tựu được công đức của chư Phật.

Cũng là gồm đủ đại trí nên chẳng trụ nơi Niết-bàn. Gồm đủ đại bi nên chẳng trụ nơi sinh tử. Nghĩa là, nếu trụ nơi Niết-bàn thì chẳng phải là trí đã dứt hết mọi duyên. nếu trụ nơi sinh tử thì chẳng phải là Bi không có Ái kiến. Nghĩa còn lại đến phần sau sẽ giải thích.

Sớ câu: Từ câu “Trong kinh Đại phẩm cũng nói” tiếp xuống: Là xác nhận nghĩa nêu trên. Nếu là lúc chứng đắc thì trụ nơi Vô vi. Cho nên địa thứ bảy viết: “Tuy hành nơi thật tế mà không tạo sự chứng đắc”

Sớ câu: Từ câu “Tức đối tượng được bao gồm ấy cũng là nguyên do”: Đối tượng được bao gồm xác nhận trí tuệ không trụ nơi Hữu vi. Nguyên do thì do có trí Tuệ nên chẳng trụ nơi Hữu vi. Phần còn lại có thể theo đây mà nhận biết.

Sớ câu: Từ câu “Như Lai Tạng bao hàm không sót một vật gì nên

gọi là đại không” Đại sư Tuệ Viễn nói; “Đại là hết sức rộng mở. Rộng tức là trong thể của Chân Thức gồm thâu cả pháp giới với hằng sa pháp Phật, cùng thể bình đẳng tương ứng mà dấy khởi, không có một pháp nào giữ riêng lấy Tự Tánh, do đó gọi là Không. Thuận theo pháp giới thì không nẻo nào là không hiện hữu, nên gọi là “đại không”

Sớ câu: Từ câu “năm Quán bảy Chuyển Thức”... tức là dụng của Chân Thức. Dụng mà thường vắng lặng nên gọi là Không. Do vậy phần Sớ giải viết: “đều không có tự thể” tức là nghĩa Không.

Sớ câu: Từ câu “Dựa nơi hiểu biết để dấy khởi Hành, Hành tu tập rốt ráo” ở đây có hai ý:

Một: trong phần Luận giải thích gọi là “chẳng phóng dật”, do chỗ tạo tác cứu cánh luôn lìa mọi lỗi lầm của sự phóng dật.

Hai: Tức lại do sự tu tập rốt ráo ấy, nên kinh gọi là “bậc nhất”. Phần sau dẫn Luận để giải thích có thể nhận biết.

Sớ câu: Từ câu “bốn là nhân nơi sự, tức dựa vào đức dấy khởi dụng” là giải thích về nghĩa nhân, đức là nhân của dụng.

“Phân biệt là chướng ngại của Trí” tức phân biệt về tướng nhân duyên .

Sớ câu: Từ câu “Lại nữa, mười không ấy so với mười một không nơi kinh Đại Bát Niết-bàn phần lớn là đồng”, tức kinh đại bát Niết-bàn quyển thứ mười sáu, Nam bản là quyển thứ mười lăm, phần sớ giải là quyển thứ sáu, nhằm giải đáp việc tu tập xả bỏ Quả, Bồ-tát Ca Diếp bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào gọi là không? Phật nói: Thiện mau! Không, đó là Nội không, Ngoại không, nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủy không, Tánh không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, Không không, Đại không.” Phần Sớ giải thích: “Mười Không trước là tướng Không”, một không sau là Chân không. Dựa theo trong chỗ giữ lấy pháp của vọng tình kia để nêu rõ về nghĩa không, gọi là tướng không. Căn cứ trong chân thức để biện biệt về nghĩa không gọi là chân không. Cũng có thể gọi mười không trước là Cảnh Không, một không sau là Trí Không, là Không của Chân trí. Tức đối với hữu tình giới hạn thuộc vọng, chấp bên ngoài có pháp, nên phá bỏ để hiển bày tịch tĩnh. Nơi mười thứ trước theo cảnh để biện minh không. Căn cứ vào thật để cầu thì ngoài Tâm không có pháp, hết thấy các pháp đều tức là Chân Tâm. Thể của Chân Tâm vốn tịch tĩnh. Một thứ sau dựa vào trí để nói về Không. Cho nên Địa Luận viết: “Tất cả các pháp, như đã nói, tự thể là Không, gọi là Trí Tự không”

Dựa theo mười Không trước, thì tám thứ đầu là dùng Không để

phá bỏ Có là Không. Không thứ chín là Đệ nhất nghĩa, dùng Có để loại bỏ Không là Không. Thứ mười là Không Không, dùng chỗ chẳng phải là Có chẳng phải là Không để cùng duy trì Có, Không, gọi là Không Không. So với mười bình đẳng của Địa Luận thì giống nhau.

Căn cứ nơi tám thứ đầu, thì bảy Không trước biện minh về chúng sinh cùng pháp vì Vô tánh nên là không. Một thứ sau nêu rõ về chúng sanh cùng pháp vì Vô tướng nên là không. nhân duyên là Giả trung mà nêu rõ về Vô tánh gọi là “Vô tánh Không”. Trong cai “Không rốt ráo” thì không có tướng nhân duyên, gọi là “Vô tướng Không”.

Dựa nơi bảy thứ Không đầu, thì sáu thứ trước nêu rõ về chúng sanh kia Vô tánh tức là Sinh Không. Một thứ sau biện minh về các pháp đó Vô tánh tức là Pháp Không.

Lại, trong sáu thứ đầu, thì năm thứ trước dựa nơi hiện tại để quán Không. Một thứ sau là căn cứ theo quá khứ để quán Không. Nơi hiện tại thì ba thứ đầu là dựa theo sự việc trong ngoài để quán về lý Không. Hai thứ sau là dựa theo tướng pháp Hữu vi, Vô vi, để quán Không. Theo trong ba thứ trước thì chúng sinh gọi là trong, “phi tình” gọi là ngoài. Căn cứ theo nội pháp thì quán về không có thần chủ, thọ mạng của chúng sinh gọi là thể của pháp, Nội không, Ngoại không. quán về ngoài pháp kia chẳng phải là Ngã, Ngã sở, nên gọi là ngoại không.

Về “Vô thủy Không” Kinh viết: Bồ-tát nhận thấy sinh tử không khởi đầu, thủy đều vắng lặng, chỗ gọi là không, thường lạc ngã tịnh, thủy đều vắng lặng, không có biến đổi. Thọ mạng của chúng sinh, Tam bảo, Phật tánh cùng pháp Vô vi, đó gọi là Bồ-tát quán về “Vô thủy Không”

Sớ câu: Từ câu “Đệ nhất nghĩa không, kia gọi là Không Không”: ở đây tương đương với không thứ mười. Đại sư Tuệ Viễn nói: “Là Có là Không căn cứ theo sự giảng giải để biện biệt về lý. Là Có, tức nhắc lại Đệ nhất nghĩa Không ở trước. Dùng Có để phá bỏ không nên gọi là có. Là không, tức lặp lại tám Không ở trước, do trong tám Không ở trước đã dùng Không để phá bỏ Có, nên gọi là không. Dựa nơi chỗ Có, Không ấy để nói về nghĩa Không, nên gọi là Không Không. câu: “Thị là phi, Thị là Thị, gọi là Không Không “tức để phá thuyên bày hiển hiện Lý câu trước tuy căn cứ vào thuyên bày để hiển lý, nhưng không phải lược lại sự thuyên bày kia. Lại phá tiếp nói: Thị (là) hướng đến có, hướng đến không, cả hai Thị đều chẳng phải đó mới gọi là Không Không. chẳng phải lưu lại cái “Có, Không” để nói “Không Không”. nghĩa là thế nào? Đã như trên đã biện minh, các pháp nhân duyên nơi Có, Không là đồng

một thể nên nói: Không là Có, Có là Không. Không là Có nên Có tức chẳng phải Có; Có tức là Không nên Không tức chẳng phải không. Chẳng phải Có, chẳng phải Không, nên nói Không Không.

Ba là từ câu: “Bồ-tát thập Địa” tiếp xuống: Là căn cứ nơi Người để làm rõ về sự thù thắng.

Bốn từ câu “Như thế” tiếp xuống: Là nhờ vào đối chiếu để hiển bày chỗ chẳng đồng. Trong Luận Tỳ đàm nói về người Thanh văn gồm hai:

1) Quán năm ấm chẳng phải là Ngã, Ngã sở, gọi thẳng là Không.

2) Quán Trí trước cũng lại chẳng phải là Ngã, và Ngã sở nên gọi là Không Không.

Trong Luận Thành Thật trước là quán về Sinh không Pháp không, không có tự tánh. Là trống Không, không có tự tánh, nên gọi thẳng là Không. Sau thì quán về Trí trước cũng Không là Vô tánh nên gọi là Không Không. Nay, chỗ Luận bàn ở đây là lìa tướng Có, Không nên cho là chẳng đồng.

Mười Không trên đây so với mười pháp bình đẳng của Địa Luận cùng nêu ra ý nghĩa tương tự. Trong Luận kia pháp đầu là theo tướng chung để biện minh về Không. Chín pháp còn lại là riêng. Ở phần riêng thì bảy pháp đầu là dùng Không để phá bỏ có, giống với ở đây là tám Không đầu. Nơi Luận kia Không thứ tám là dùng Có phá bỏ Không, giống với ở đây là Không thứ chín. Một Không sau trong Luận kia thì dùng “song phi” (cùng phủ nhận cả hai) để phá bỏ cả Có Không, đồng với ở đây là “Không Không”

Giải thích: Trên đây đều là ý của Đại sư Tuệ Viễn, dùng mười một Không kết hợp với mười pháp bình đẳng. Nay đem mười một Không kết hợp với mười nghĩa không tức hoàn toàn riêng biệt. Nhưng mười Không này là do Gia hạnh bình đẳng ở trước mà thành, nên hai nơi phần nhiều đều giống, cùng chứng tỏ là đều đạt được cả.

Song Đại sư Tuệ viễn giải thích nghĩa về Lý thì không sai, nhưng thoát khỏi văn kinh, bèn trở thành giải thích vòng vo.

Lại nữa, Hữu vi, Vô vi chỉ thuộc nơi Sinh Không, thì nghĩa thành quá cũc bộ. Lại, dùng chung chỗ Có Không ở trước để giải thích về Không Không, cũng thuộc lý tóm nơi Vô Ngã ở trong kinh. Nay Sở giải thích về Không Không, nơi văn gồm năm phần:

Một: Nhắc lại tên gọi để đối chiếu với kinh

Hai: Từ câu “nghĩa là không trước” tiếp xuống: là giải thích tóm

lược

Ba: Từ câu “Cho nên kinh kia viết” tiếp xuống: Là nêu dẫn Kinh Bốn: Từ câu “Thị phi” tiếp xuống: Là giải thích kinh

“Cũng là Không của Thể tương đương”: Là giải thích kinh nghĩa câu “Thị là phi, thị là thị, gọi là Không Không”. Nghĩa là , chẳng phải chỉ là Có Không, mà “thị phi” cũng vậy....

Đây thì thị, tức phi nên chẳng phải là thị. Phi tức thị, nên chẳng phải là phi. Do đó phần Số giải viết “Thị phi cũng không của Thể tương đương”

Năm: Từ câu “Không không như thế” tiếp xuống: Là tán thán về sự thù thắng

Trên là nhận định về Số giải, dưới là giải thích. Nhưng kinh có hai câu, nay Số giải thích kinh, trước là giải thích tóm lược, là ý nơi câu trên của kinh. Kinh viết “là Có là Không, đó gọi là Không Không” ý nói “tức Không là Có, tức Có là Không”, nên cho rằng “là Có là Không” không đã là có tức không chẳng phải là không, nên gọi là Không Không. Đã “tức Có là Không” thì Không cũng chẳng phải là không, nên cho là “Không Không” chính là giống Có không chẳng hai trong mười bình đẳng nên bình đẳng, do “chẳng hai” nên cùng tồn tại. Do chẳng phải là “chẳng hai” nên cùng xâm đoạt. Vì thế, nay Số giải viết “Hoặc Có hoặc không, xưa nay tự Không” do Có tức Không nên là Có Không, do Không tức Có nên là Không Không. Là do loại trừ không gồm có hai nghĩa:

Một: Dùng “trùng Không” để loại trừ Không. Như kinh Tịnh Danh viết: “Chỉ có bệnh về Không. Bệnh về Không cũng Không”. Trung Luận nói:

*“Chư Phật nói pháp Không
Là là nơi Hữu kiến
Nếu lại thấy Có, Không
Chỗ chư Phật chẳng độ”*

Hai: Dùng Có để loại bỏ Không. Nghĩa là Không tức là Có, nên chẳng phải là Không. Vì thế kinh viết: “Sắc tức là Không, chẳng phải là sắc diệt rồi mới là Không, nên không chẳng phải là Không. Đây thì chẳng khác với không của Có. Không chẳng phải là Không, thì chẳng khác với Có của Không tức Có chẳng phải là Có. Nay chính là chọn lấy nghĩa “Không chẳng phải là Không” do Không chẳng phải là Không tức là nghĩa “có chẳng phải là có”

Lại, không nên chẳng phải là Có “trùng ngôn (lặp lại) không nên

chẳng phải là Không”

Lại nữa, không nên chẳng ngại với Không, “trùng ngôn” Không nên chẳng ngại với Có. “Phi Không, phi có” Có thể không có thể có, cùng dung thông, dùng dứt bất tự tại vô ngại. Do đó, thập Địa thông đạt một phần ít, há là chỗ có thể nhận biết, cửa hàng Nhị thừa nên viết là “bặc nhất”

Sớ câu: Từ câu “Nay cũng căn cứ nơi phần ít” là thông tỏ chỗ vướng mắc, chỗ vướng mắc nêu “Đã nói thập Địa chỉ thông đạt phần ít” nay ở đây là sáu địa thứ sáu làm sao chứng đắc “Nay gọi là “cũng căn cứ nơi phần ít” phần văn còn lại có thể theo đây mà xét.

Sớ câu: Từ câu “nay nói về phần một. Tâm chẳng bị huỷ hoại”

Nói: “Do chướng diệt” tức hành của Quả thứ nhất thành tựu. Quả thứ hai hoặc trí tức thứ ba, thứ nhất, hoặc Bi tức thứ hai.

Sớ câu: Từ câu “cũng có thể đối chiếu với mười tâm Tam muội trước”.

Đại sư Tuệ Viễn nói “chín câu riêng này tức là mười không, Tam muội” do pháp không, Đệ nhất nghĩa không kết hợp nên chín câu đầu tóm mười không. Trong chín câu cũng gồm bốn:

Bốn câu đầu dựa theo Quán ở trước để nói về “chẳng huỷ hoại”.

Một câu tiếp theo là dựa nơi chẳng phóng dật ở trước để nói về “chẳng huỷ hoại”.

Một câu tiếp nữa là căn cứ chỗ được tăng thượng ở trước để nêu bày về việc “chẳng huỷ hoại”.

Ba câu sau là dựa nơi sự của nhân trước để nói về “chẳng huỷ hoại”

Nay phần thứ nhất nơi sớ viết:

Một là: “Tín lý quyết định” Luận viết “Là một Tín quán chẳng bị huỷ hoại. Tức dựa theo chỗ nhập “Tam muội Không” ở trước để nêu rõ về chẳng huỷ hoại. Do Luận giải thích kinh trước nêu “Tín nơi Tam muội Không”

Hai là: Sớ giải nói “Hành gắng điều hoà mềm dịu” tức Luận gọi là “Gắng thọ nhận chẳng bị huỷ hoại”. Đây là căn cứ nơi pháp Không cùng Đệ nhất nghĩa Không Tam muội ở trước để nói về “chẳng bị huỷ hoại” tâm chấp Có dứt, nên có thể hội nhập nơi pháp không và Đệ nhất nghĩa không. Luận viết: “Gắng thọ nhận nơi Không chẳng tham vướng” kinh nói: “Thuần thiện chẳng vướng nơi Không, tức Đệ nhất nghĩa Không. Sớ giải chỉ thêm chữ “Hành”, tức hành của hai Không nơi Quán ở trước.

Ba là: Tức Luận nói “ở nơi mật số chẳng chút kinh sợ, chẳng bị huỷ hoại, dựa nơi đại Không ở trước để nói về “chẳng huỷ hoại” Thức A la da vi tế, bí mật khó lường, gọi là “nơi mật” kinh viết: có thể hội nhập nơi bí mật, hết mực sâu xa nên gọi là “chẳng kinh sợ”

Bốn là: Tức Luận nói về tự vận hành chẳng động, chẳng huỷ hoại, dựa nơi chỗ hợp Không ở trước để nêu rõ về “chẳng huỷ hoại” hành hợp với Như lai Tạng nên tự vận hành chẳng thối chuyển.

Năm là: Tức Luận nói việc phát khởi tinh tấn chẳng hoại, căn cứ nơi chỗ chẳng phóng dật và Đệ nhất nghĩa Không Tam muội ở trước để biện minh về chẳng huỷ hoại. Có thể dấy khởi hành tu tập, nên gọi là tinh tấn. Phần Sơ giải viết là “thắng tấn không dứt”

Sáu là: Luận nêu việc lừa keo kiệt, ganh ghét, phá giới, cấu nhiễm chẳng huỷ hoại. Căn cứ nơi chỗ được tăng thượng dấy khởi Tam muội Không ở trước để nêu rõ về chẳng huỷ hoại.

Trước là dựa nơi Hành đức, nay thì dựa theo Đoạn đức. Trước căn cứ vào lợi tha, nay thì căn cứ nơi tự lợi. Nhưng Luận giải thích kinh viết: “Tâm tịnh nên căn cứ vào sự đoạn trừ để giải thích “ Kinh nay nói “Tâm rộng lớn” rộng tức là câu Tâm bi, lớn tức là Tâm trí. Là hai Tâm nhanh nhạy, hai Tâm cùng dẫn dắt.

Bảy là tức Luận nêu việc lợi ích rộng khắp cho chúng sinh, chẳng huỷ hoại. Đối với sự thuộc chân giáo hóa chúng sinh chẳng lìa bỏ Tam muội Không ở trước để biện minh về “chẳng huỷ hoại”

Tám là: Tức Luận nêu: Trên cầu đạt giải thoát thù thắng, chẳng bị huỷ hoại. Căn cứ theo “sự thuộc nhân” làm thanh tịnh mọi chướng ngại của Trí như thật chẳng phân biệt Tam muội Không ở trước để nêu rõ về “chẳng huỷ hoại” nghĩa như trước đã nói.

Chín là: Tức Luận nói việc thực hành giáo hóa chúng sinh, chẳng huỷ hoại. Căn cứ theo “sự thuộc nhân” nguyện giữ lấy chỗ có lìa chẳng lìa, Tam muội Không ở trước để làm rõ về chẳng huỷ hoại.

Gắn liền với Không để đi vào nẻo Có, nên gọi là phương tiện tương ứng.

Phần Sơ giải tuy sợ dẫn nhiều văn, chẳng phối thuộc đầy đủ nhưng trong phần giải thích văn đều bao hàm đầy đủ.

Sơ câu: Từ câu “Thuận nẻo giác ngộ của Phật, có thể hội nhập sâu nơi cõi hương tối” do Luận giải thích kinh viết “Tuỳ thuận chỗ thành tựu, để dấy khởi, hương tối quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thối chuyển” nên vì dấy mà giải thích. Chữ “tuỳ thuận” ở đây cũng là thuận nhãn, thuận hương tối “Vô sinh nhãn”. Do kinh căn

cứ nơi cứu cánh nên thuận hợp trực tiếp với Bồ đề.

Sớ câu: Từ câu “Tức có thể chế ngự tha lực” là Luận giải thích nghĩa “đối chiếu câu tổng quát tâm chẳng thể huỷ hoại, cùng tâm quyết định” phần sau, nói về tên gọi của các lực, đều là văn của Luận .

“Hai là đạt được pháp Không” tức đối với tâm thuần thiện, dùng sự thuần thiện ở trước để đối chiếu nơi Tam muội pháp không...

Sớ câu: Từ câu “phẩm Xuất Hiện có nói đến bốn thứ khả năng duy trì nơi Phong luân “ nơi phẩm Xuất Hiện thì bốn tính chất ấy là:

Một là: Năng trì; tức có thể giữ lấy nước lớn

Hai: Năng tiêu có thể làm tiêu tan nước lớn

Ba: Kiến lập tức kiến lập tất cả các xứ sở

Bốn: Trang nghiêm: Tức tạo mọi trang nghiêm khắp nơi để thành thiện xảo

Giải thích: Đã được duy trì, được trang nghiêm nên chẳng phải là sự tán hoại.

Câu “Có gió tan hoại thì lại không có bốn thứ kia”: Tức tướng thứ chín trong Ý nghiệp nói “Phật tử, ví như lúc “phong tai” huỷ hoại thế giới, có thứ gió lớn nổi lên gọi là “tán hoại” có thể huỷ hoại tam thiên đại thiên thế giới. Núi Thiết vi thấy đều thành tro bụi” tức gió tán hoại chỉ dấy khởi một lần là không có bốn tính chất kia.

Sớ câu: Từ câu “Cho nên Luận Khởi Tín viết: “Chỉ có tướng của tâm diệt, chẳng phải là thể của tâm diệt”:

Luận có nêu câu hỏi “Nếu tâm diệt thì làm sao có sự tương tục” nếu tương tục thì làm sao nói diệt hoàn toàn. Đáp: chỗ gọi là diệt, thì chỉ tướng của tâm diệt, chẳng phải thể của tâm diệt. Như gió dựa nơi nước mà có tướng động. Nếu nước diệt tức tướng của gió dứt hẳn, không có chỗ nương tựa, do nước chẳng diệt nên tướng của gió vẫn nối tiếp. Tức chỉ gió diệt nên tướng động theo đấy mà dứt chẳng phải là nước diệt. Vô minh cũng như thế, dựa nơi thể của tâm mà động. Nếu thể của tâm diệt tức chúng sinh bị đoạn tuyệt không có nơi chốn nương tựa. Do thể của tâm chẳng diệt nên tâm được tương tục. Chỉ si mê diệt nên tướng của tâm theo đấy mà diệt, chẳng phải là thể của tâm diệt”

Giải thích: Văn được nêu dẫn có thể nhận biết . Kinh Lăng Già cũng viết “nếu thể của tâm diệt tức bản thức diệt. Bản thức diệt thì chẳng khác với hý luận của hàng ngoại đạo chấp đoạn kiến.

- Địa thứ bảy: **Địa Viễn Hành:**

Thứ nhất là bàn về ý nối tiếp gồm hai:

Một là: chính thức giải thích . Căn cứ nơi Tuệ và dựa vào quả vị

để cùng biện giải.

Hai: Từ câu “Luận Du Già nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng căn cứ nơi Tuệ. Phần này có hai chi tiết:

Một là: Nêu sáu địa là nhân của sự hội nhập,

Hai là: Từ câu “vì khiến” tiếp xuống: Là chính thức biện giải về sự nối tiếp ấy.

Số câu: Từ câu “gọi là địa Viễn Hành: Tiếp xuống: Là giải thích tên gọi, phân làm ba: Nêu lên, giải thích và tóm kết

Từ câu: “Luận Thành Duy Thức nêu” tiếp xuống: Là chi tiết hai, giải thích nêu tổng quát. Có năm cách giải thích, ý phù hợp với Luận Duy Thức do tính chất bao hàm. “Đây có ba nghĩa. Tức là cách giải thích thứ nhất, gồm ba:

Một là khéo tu tập về Vô tướng để đạt tới biên vực của Vô tướng nên gọi là “Viễn Hành”

Hai là: công dụng đạt đến tốt bậc nên gọi là Viễn Hành.

Ba là: Đối chiếu với trước thì vượt hơn nhiều nên gọi là Viễn Hành

Thứ hai: Dẫn kinh Giải Thâm Mật, quyển thứ tư, câu “Cũng là trước nói về Hành, sau nêu về Viễn” là nêu rõ về hai nghĩa trên là trước sau

Thứ ba: Nêu dẫn Nhiếp Luận, gồm luôn việc giải thích, tức nơi quyển thứ bảy của Luận thứ tư: Dẫn kinh Kim Quang Minh, tức nơi quyển thứ ba.

Thứ năm: Dẫn Luận Trang Nghiêm tức nơi quyển thứ mười ba, kê viết:

*“Lìa đạo, gần một đạo
Đến xa, gọi Viễn Hành”*

Luận giải thích viết: “Bồ-tát ở trong địa thứ bảy, gần gũi nơi đạo Nhất thừa, nhưng gọi Là đến nơi xa”. Hỏi: Đến nơi xa là cái gì? Đáp: công dụng nơi phương tiện, cứu cánh, những thứ xa ấy đều có thể đi đến nên gọi là “Viễn Hành”

Số câu: Từ câu “tuy có bốn nghĩa” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận, tóm kết để quy về hai nghĩa: Luận Thập Trụ, nơi quyển thứ nhất tức chính là nghĩa sau. Kinh Nhân Vương tức chính là quyển hạ, phẩm Phụng Trì đã nói là đạt đến chỗ xa” tức cũng chung cho việc từ chỗ đạt được trước nay hướng tới quả vị sau

Số câu: Từ câu “Nhưng cái khả năng đi tới chỗ xa kia” tiếp xuống: Là phần ba: Lìa chướng (phần hai là giải thích tên gọi) gồm hai chi

tiết:

Một: Nối tiếp phần trước để dấy khởi phần sau

Hai: Từ câu “Cho nên chỗ kia” tiếp xuống: Chính thức biện minh cũng là văn của Luận Duy Thức. Nói đầy đủ là: chương hiện hành của tướng vi tế nơi địa thứ bảy là trong số chi chương, có một phần “câu xin” chắc có sinh diệt với tướng vi tế hiện hành. Chương ấy, nơi địa thứ bảy với nẻo Vô tướng vi diệu của thứ địa thứ bảy, nên khi hội nhập được vào địa thứ bảy, liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Do địa thứ bảy ấy đã đoạn trừ hai ngu cùng chỗ thô trọng kia. Hai ngu là: Ngu về tướng vi tế hiện hành và ngu về thuần tác ý câu Vô tướng.

Ngu trước là trong đó chấp có sinh, vẫn còn chấp giữ tướng vi tế lưu chuyển sinh khởi. Ngu sau là trong đó chấp có diệt, do chấp giữ tướng “hoàn diệt” nên thuần nơi Vô tướng tác ý riêng câu đạt mà chưa có thể ở trong “không” dấy khởi thắng hạnh về Có.

Giải thích: Nay phần Số giải liền dùng ý trên để giải thích nói: Nghĩa đã lần lượt nêu đủ. Do chấp “hoàn diệt” nên câu Vô tướng. Lại nữa, tướng có hai: Một là Có, hai là Không, “Không” là tướng vi tế.

Số câu: Từ câu “do luôn ở nơi Vô tướng” tiếp xuống là phần bốn, biện giải về chỗ chứng như. Gồm hai chi tiết:

Một là: Nêu lên chủ thể đối trị, đối trị nơi chương ở trước.

Hai là: Từ câu “Cho nên có thể chứng đắc” tiếp xuống là chính thức biện giải về chỗ chứng đắc. Luận Duy Thức nói: Địa thứ bảy là Chân như không có sai biệt, tuy an lập nhiều thứ giải pháp nhưng không có khác. Phần số của Luận kia giải thích. Nghĩa là tuy các giáo pháp dựa vào Như để kiến lập, nhưng Như không có khác. Lại trong Giáo thiết lập nhiều thứ tên gọi, pháp giới, thật tướng mà Như không có khác. Trong phần Số giải nói “do thấu rõ về vô số giáo pháp đồng với Vô tướng đích thực” tức tuy khác giáo pháp tùy thuận theo vô số căn cơ, nhưng không hề mất tướng của một vị bình đẳng” Luận Trung Biên viết “trong địa thứ bảy, pháp giới của đối tượng được chứng đắc, gọi là đủ thứ, đủ loại pháp không sai biệt. Do thông đạt chỗ nhận biết về pháp Vô tướng ấy nên chẳng hành theo vô số Pháp tướng như trong khế kinh đã nêu”

Số câu: Từ câu “do có thể ở trong Không” tiếp xuống: Là phần năm nói về “Hành thành tự”

Số câu: Từ câu “cho đến cũng đạt được” tiếp xuống: Là phần sáu nói về “đạt được quả” nhằm hiển bày bảy môn với nghĩa lý cùng thuận hợp nên viết là “cho đến” “đạt được quả” theo Luận Trung Biên nói

“Thông đạt vô số các pháp không có pháp giới riêng biệt, đạt được quả Vô tướng của hết thảy các pháp”.

Từ câu “Cho nên biết” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận ý chung.

Sớ câu: Từ câu “Trong Hành có năm thứ tướng” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Nêu ra tên gọi

Hai: Từ câu “hành năm tướng” tiếp xuống: Là đối chiếu với ba tâm để nhận xét, phân biệt.

Ba: Từ câu “thứ nhất nói” tiếp xuống ; là giải thích phần tên gọi, tướng trạng kia.

Sớ câu: Từ câu “ nay nói về phần một gồm đủ sáu địa” tiếp xuống: Văn nơi bàn Sớ giải gồm sáu phần

Một: Lược nêu rõ thuộc nơi văn của kinh nói “nghĩa bao hàm chỗ đối trị” ý chính là tóm kết phần trước.

Hai: Từ câu “nghĩa là Lạc trước là Vô tác” tiếp xuống: Là giải thích riêng về lý do của đạo phương tiện Tuệ thù thắng. Do lạc đã vô tác nên chẳng thể bước vào phần có, chẳng phải là phương tiện nên chẳng dấy khởi thắng hành, há là đạo thù thắng .

Từ câu “nay do mười thứ” tiếp xuống: Là hiển bày nguyên do của việc được mang tên

Ba: Từ câu “đấy là” tiếp xuống: Là giải thích về hai tên gọi kia

Bốn: Từ câu “ở nơi chỗ tăng thượng nào” tiếp xuống ; là biện minh về chỗ thù thắng ấy

Năm: Từ câu “trong sáu địa trước” tiếp xuống: Là giải thích vấn nạn về vấn nạn về lẫn lộn nơi tướng hỏi: “Sáu địa trước cũng có” tức Không nhập vào có, sao chẳng được mang tên là “đạo phương tiện thù thắng Ý đáp lại có thể nhận biết

Sáu: Từ câu “Tuy hành nơi Không, hành nơi Có” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ đối trị gọi là vấn nạn về giới hạn cũng là nối tiếp phần trước để dấy khởi. Vấn nạn nêu: “Địa trước đã thuận cùng tiếp cận cả có, không. Vì sao chỉ riêng gọi là “Lạc hành vô tác” ý giải thích có thể nhận biết. Lại hỏi: Vì sao riêng nói về Lạc vô tác? Đáp: Do đối trị năm địa trước về mạn chấp lấy Có.

Sớ câu: Từ câu “Luận chủ thấu tóm mười lăm bốn thứ công đức” tiếp xuống: Là giải thích chi tiết gồm bốn. Ba thứ trước là tư lợi, một thứ sau là lợi tha nơi phần trước Luận chính là phần thứ nhất, nay tương đương với phần thứ hai: Nay thuận theo thứ tự của kinh: Một là lìa lỗi

lầm. Hai thứ sau là thành đức. Trong chỗ “ thành đức ” thì trước là thành tự về phước báo, sau thì thành tự về đức bên trong.

Sớ câu: Từ câu “ Một câu đầu tức sự việc nhân nơi cứu giúp kẻ hành ác trong đó gồm hai:

Một: Nêu lên hành ác

Hai: Từ câu “ nay do câu trên ” tiếp xuống: Là nêu rõ về sự cứu giúp “ câu trên hỗ trợ câu dưới ” là không có Ái kiến nơi hành ác, câu dưới hỗ trợ câu trên ” là không từ bỏ việc đem lại lợi lạc cho hành ác.

Sớ câu: Từ câu “ hai tức sự nhân thù thắng của tiền của và thân ” là thành tự phước báo thù thắng câu dưới là sự đạt được của thân và của cải từ nơi câu trên, nên cả hai đều thù thắng. Câu trên đem lại chỗ đạt được nơi câu dưới không vướng mắc nơi nẻo tịch tĩnh.

Một là: Đồng với câu đầu.

Từ câu “ của cải thù thắng tức tùy nơi vật ” tiếp xuống; là biện minh hai tướng thù thắng .

Hai phần này nếu thù thắng thì có thể tích tập sự trợ đạo.

Sớ câu: Từ câu: “ Ba là hộ trì thiên căn ” tiếp xuống: Văn gồm hai:

Một; chính thức giải thích

Nói là đạt được sự tăng thượng của nhân thù thắng kia: “ sự tăng thượng của nhân thù thắng tức là trí quán không.

Hai: Từ câu “ tuy có ” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc, để tóm kết, xác nhận,. Nghĩa là, câu thứ nhất tuy có Từ Bi nhưng chỉ là ý lạc, chưa phải là lợi tha đúng nghĩa.

Từ câu “ Ba đều là tự lợi ”: Nhưng Sớ giải thích , văn đều gồm hai; trước là giải thích câu sau là hành thù thắng gắn liền nẻo Có. Sau là giải thích câu trước để dẫn dắt câu sau. Cả hai đều cùng hỗ trợ, giống như nơi môn thứ nhất.

Sớ câu: Từ câu “ Chương có bốn thứ, như trong phần năm địa tùy theo trí thế gian nơi đã nói ” ở trước Luận viết “ có bốn thứ chương được đối trị. Bốn thứ chương cần được đối trị là: Một chương về vọng trong sự đã sử dụng ”

Hai chương do Trí mềm yếu đối với tà kiến

Ba chương do trong các vật đã giữ lấy, chẳng giữ gìn

Bốn chương do chấp giữ và sinh nghi

Sớ câu: Từ câu “ Bốn là ở nơi pháp lớn, các hội được tập hợp nên vì các loài mà đầy khởi hành làm trang nghiêm cõi ” trên đây là nêu rõ việc hướng về ích lợi mà tu nhân. Thánh hiền tập hội trong cõi tịnh. Các

bậc thiện nhân đều tập hợp một nơi, cùng với các Bồ-tát là đồng một chí hướng hành hóa không có oán thù ganh ghét khiến các loài tu nhân nên đạt được người nơi cõi tịnh. Báu là trang nghiêm mà được tập hợp.

Sớ câu: Từ câu “Khiến sinh năm thứ phước” sự thấy chỉ căn cứ nơi mắt. Nghe chỉ căn cứ nơi tai, thân cận căn cứ nơi thân, cúng dường xả bỏ của cải mà tu hành là thông ba nghiệp.

Nói “tự thân không thân là đồng với pháp thân của Phật”, Phật dùng pháp làm thân, thanh tịnh như hư không. Chỗ hiển bày các hình sắc là khiến hội nhập trong pháp ấy. Nay, Bồ-tát cũng không thân mà hiện thân. Từ địa thứ nhất trở lên là phần chứng pháp thân nên đồng với thân Phật.

Sớ câu: Từ câu “Hai phước sau cũng thế” tức là so sánh chung về khẩu, ý giống như thân, tức đều từ thể dấy khởi dụng, không ngôn từ hiện bày ngôn từ, không nhận biết mà nhận biết, đều như nơi văn kinh.

Sớ câu: Từ câu “ở trong chỗ không có dài ngắn, tùy theo vấn nạn mà khéo giải thích “ Tức ba đời là dài, một niệm là ngắn. Nêu rõ ba đời tức một niệm là Thật, là Không tức chẳng có dài ngắn, chẳng ngắn ngại nên có thể nhận biết về vô số thời tiết, hoàn cảnh, kiếp số dài ngắn.

Sớ câu: Từ câu “Thứ ba là tổng kết về khả năng thù thắng” tức gồm đủ thập Hạnh ấy là hội nhập nơi địa thứ bảy.

Sớ câu: Từ câu “Trung Luận giải thích: Mười thứ ấy phát khởi hạnh thù thắng “tiếp xuống:sở dĩ giải thích là do ở trên giải thích về mười câu , trong đó chỉ nêu rõ chỗ dấy khởi hạnh thù thắng , chưa hiển bày nguyên do của phương tiện thù thắng . Nay sẽ giải thích chung .
Gồm hai:

Một: Nêu dẫn Luận

Hai: Từ câu “đều vì hai câu trên dưới” tiếp xuống:là phần Sớ giải thích. Gồm ba chi tiết:

Thứ nhất: Giải thích về “cùng đối”

Thứ hai: Từ câu:”do hai câu trên dưới ấy đều có thể đối trị “tiếp xuống:là giải thích về đối trị .”Câu trên đối trị hàng phàm phu “ là quán Không.”câu dưới đối trị hàng tiểu thường” là dấy khởi hành.

Thứ ba: Từ câu “do hai thân giữ” tiếp xuống:là giải thích chung về hai thứ “thân giữ”

Do sự “cùng đối” “ở trên cũng có thân giữ , đối trị.cũng có thân giữ, nên hai thân giữ ấy về ý nghĩa chính thì đồng . Câu trên thân giữ câu dưới thì chẳng ngưng trệ nơi Tiểu thừa. Câu dưới thân giữ câu trên

tức chẳng vướng mắc nẻo phàm phu. Đây là cùng đối thấu giữ để thành hạnh thù thắng. Câu trên đối trị hàng phàm phu, chẳng thấu tóm câu dưới thì chẳng phải là sự đối trị chân thật. Câu dưới đối trị hàng Tiểu thừa, chẳng thấu tóm câu trên, cũng chẳng phải là sự đối trị thật sự. Cả hai hổ tương thấu tóm thì đều thành hạnh thù thắng .

Lại nữa, nếu nói riêng, câu trên thấu tóm dưới tức là phương tiện Tuệ trong Không. Câu dưới thấu tóm trên là hạnh thù thắng trong Có.

Cả hai đã hòa hợp nên cùng được gọi là mười thứ phương tiện. Cũng được gọi là mười thứ thù thắng hạnh. Cho nên Luận chỉ nói mười thứ ấy phát khởi Hạnh thù thắng . Không Có đã chẳng vướng mắc, nên có thể đối trị Hạnh “là không tạo tác” là trong sáu địa.

Sớ câu: Từ câu “Bốn là làm rõ chỗ giới hạn” tiếp xuống: Là làm rõ chỗ tiêu biểu của địa này.

Nói: “đây là dùng Hành nhập, nên thường Hành không bỏ” tức địa thứ bảy với công dụng nơi Hành Viên mãn, theo phương tiện đi vào nẻo Có, nên được gọi là Hành nhập.

Thứ hai: Là đối trị chứng kia

Sớ câu: Từ câu “là đối tượng nhận biết, đối tượng được hóa độ.

Đối tượng được nhận biết là cảnh của Trí, đối tượng được hóa độ là cảnh của Bi.

Sớ câu: Từ câu “chính tức thấu tóm mười làm năm sở dĩ lại vì đấy mà thấu tóm” là do ở đây nói vô lượng chính là đối trị nơi hữu lượng, chính là chỉ có năm, nên vì đấy mà gồm thấu, như trước đã nhiều lần giải thích:

Một là: Cảnh giới của chúng sinh vô lượng.

Hai là: Thế giới vô lượng

Ba là: Pháp giới vô lượng

Bốn là: Cảnh giới được điều phục vô lượng

Năm là: Cảnh giới của phương tiện điều phục vô lượng

Năm cảnh giới này chỉ có Phật là chứng đắc tận cùng, có thể hành hóa đức nghiệp khắp nơi năm cảnh giới. Bồ-tát tu tập, để có thể hành hóa đức nghiệp, hướng nhập năm cảnh giới.

Lại, trong năm cảnh giới ấy thì bằng một cảnh giới đầu đối tượng được hóa độ, hai cảnh giới tiếp theo là nơi chốn hóa độ. Hai cảnh giới sau là phương Pháp Hóa độ.

Chánh hóa tức ba cảnh giới trước là đối tượng. Hai cảnh giới sau là chủ thể, đối chiếu với chủ thể giáo hóa, chủ thể nhận biết, thì năm cảnh giới đều là đối tượng. Đem mười thứ ấy đối chiếu với chủ thể giáo

hóa, chủ thể nhận biết, thì năm cảnh giới đều là đối tượng được hội nhập tức nhập đều là tu nhập chứng nhập cũng thấu đạt.

Sớ câu: Từ câu “nay nói về phần một” trước hết là nói về phần vô lượng ở trước” tiếp xuống: Văn nơi bản Sớ giải gồm bốn:

Một: Giải thích tóm lược về kinh

Hai: Từ câu “nhưng chỗ dùng lấy, buông bỏ” tiếp xuống: chỉ rõ tương không công dụng.

Ba: Từ câu “do công dụng nơi Hành ở đây đã viên mãn” tiếp xuống: Là nêu ra nhân của không công dụng.

Bốn: Từ câu “đây đức tu hành” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận để phân biệt chỗ khác.

“Thứ ba là biện biệt về sự thù thắng của cùng hành” văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Nêu tổng quát về tên gọi, ý nghĩa.

Hai: Giải thích văn

- Trong phần một có chi tiết:

Thứ nhất: Nêu ra chương

Thứ hai: Nhận xét, phân biệt

Nay nói về chi tiết thứ nhất. nơi phần văn tiếp sau, số đều giải thích đủ nay sẽ giải thích tổng quát:

Một là: Hành nội chứng nơi chỉ quán đều dấy khởi là hai hành cùng Hành luôn hiện rõ sự tương tục, gọi là không gián đoạn

Hai là: Đầu tiên dấy khởi sự tăng tiến thù thắng đối với chỗ quyết định ở trên gọi là “tín thắng”

Ba là: Dựa nơi tin dấy khởi Hành, Hành có nghĩa lợi nên gọi là “nghĩa thắng” do dấy gọi là đại (lớn), tu tập dấy khởi gọi là tạo tác.

Bốn là: Hành thành nhân của giác ngộ, gọi là Bồ Đề phần. Phần gồm đủ nhiều nghĩa gọi là sai biệt

Sớ câu: Từ câu “không có một niệm dừng dứt, phế bỏ”: Hoàn toàn xả bỏ là dừng tạm phế bỏ là dứt.

Sớ câu: Từ câu “dùng sự mê muội để so sánh với sự xét kỹ”.

Ngũ nghĩ đều dùng sự ấn dấu, giản lược làm tánh, giản lược làm phân biệt với lúc thức dậy. Mê muội là phân biệt với lúc trong định. Trong định tuy giản lược mà không mê muội. Cho nên nay, để đối chiếu với sự xét kỹ chỉ nêu lên phần mê muội.

Sớ câu: Từ câu “Cho nên trong ba sự bố thí, theo đấy mà giữ lấy một thứ” Đại sư Tuệ Viễn nói: Trong bố thí chỉ có Pháp thí. Trong giữ giới chỉ có luật nghi. Trong luật nghi có ba lìa: Một là lìa nhân. Hai là

lìa sự đối trị. Ba là lìa Quả Hành. Nay chỉ có lìa Nhân là diệt trừ phiền não. Thi la đây gọi là “trong lành mát mẻ” Nhân chính là biện minh về kẻ khác chẳng đem lại lợi ích. Tinh tấn chính là nêu rõ về sự thấu tóm điều thiện. Thiền định chính là biện minh về chỗ dẫn dắt, sinh khởi công đức. Bát-nhã chính là làm rõ về Đệ nhất nghĩa Tuệ. Nhưng xét về văn kinh thì nghĩa lại dễ tìm, nên viết là “có thể nhận biết” sáu độ sau là Luận tự giải thích .

Số câu: Từ câu “một niệm gồm đủ mười” tiếp xuống là biện minh đạt được chỗ “giới hạn” tâm ban đầu với Quán viên mãn cũng là tu tập điều ấy. Nay ở đây, chứng đắc địa thứ bảy nên biện minh riêng.

Số câu: Từ câu “là hiển bày mười độ chung nơi hai nghĩa”

Một là: Thành tựu nghĩa lợi tức lợi tha ở trước

Hai: Là cầu đạt Bồ đề, tức tự lợi nơi hiện tại

Văn tóm kết là một mà nghĩa cả hai cùng thành nên gọi là “diệu dụng thiện xảo”

Số câu: Từ câu “ba là bốn Trì v.v... “: Thì vân vân là chỉ cho ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba cửa giải thoát. Văn nơi phần Số giải gồm bảy:

Một: Nêu lên chỗ đối trị riêng, phân biệt với chỗ nhận biết ở sau.

Hai: Từ câu “Nghĩa là dựa nơi bốn Trí” tiếp xuống: Là hiển bày việc làm thanh tịnh các hoặc. Chính do ba pháp ấy mới có thể làm thanh tịnh.

Ba: Từ câu “Nhận lãnh, giữ lấy” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi chung. Phân biệt với “chẳng phải là thắng tiến” gọi là “duy trì Tự phần”

Bốn: Từ câu “Cũng gọi là bốn nhà” tiếp xuống: Là nêu ra tên gọi khác

Câu: “Cho nên là nơi chốn trú xứ” là giải thích xác nhận về nghĩa Nhà, cũng có thể được gọi là “bốn thứ trú xứ”, nghĩa là TRÍ trú xứ v.v... cũng gọi là “Thành vị xứ”

Năm: Từ câu “bốn là: Một là nhà Bát-nhã v.v...” tiếp xuống: là giải thích về bốn thể tướng. Tức dựa theo “Nhà” để giải thích

Sáu: Từ câu “do hai thắng nghiệp đầu” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về bốn nghĩa. Do Bát-nhã soi chiếu về Đế, gọi là hai nghiệp đầu. Đạt được diệt trừ hoặc, làm thanh tịnh khổ nên có bốn nghĩa.

Bảy: Từ câu “nếu dựa nơi chỗ nêu bày riêng” tiếp xuống: Là căn cứ nơi quả vị để phân biệt, tức:

- 1) Cũng gọi là “Trí vị”
- 2) Là “Kiến thật vị”
- 3) Là “Đoạn Hoặc vị”
- 4) Là “Chứng diệt vị”

Nhưng bốn quả vị này đều chung nơi các bậc, nên viết là: “Nếu dựa nơi chỗ nêu bày riêng” là để phối hợp với bốn quả vị.

Thứ bốn là nói về “chỗ thù thắng so với chỗ trước”

Sớ câu: Từ câu “trước là nêu câu hỏi. Ý của câu hỏi cho rằng”: Theo tất cả Bồ đề phần pháp ở trước, từ trong niệm niệm thủy đều viên mãn phát sinh. Về ý của câu hỏi có thể nhận biết.

Sớ câu: Từ câu “Được hội nhập chỗ thắng tiến tiếp sau hướng tới phần sau”

Trong kinh chỉ nói: “Được hội nhập với Hành tự tại trí tuệ” Luận giải thích: Được nhập Trí tuệ thần thông hạnh. Cho nên Luận giải thích: “thần thông tức năm thần thông. Trí tức như trước đã nói”

Giải thích: Như trước tức mười Trí phương tiện. Bảy Địa trở lên tụ tập mười Trí ấy đến nơi địa thứ tám là không còn dụng công, mà chỗ thành giống với địa này nên được nêu ra. Nhưng Luận nói thần thông tức nay gọi Tự tại, do số hoàn toàn theo hai kinh nên dùng tự tại để chỉ cho mười Tự tại. Mười Tự tại cũng là thần thông.

Sớ câu: Từ câu “Hai là chỉ rõ chung về tướng viên mãn nơi các địa”

Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Nêu tổng quát về ý của văn

Hai: Từ câu: “Cho nên Luận nêu dẫn viết” tiếp xuống: Là nêu chỗ Luận dẫn để giải thích, xác nhận nghĩa trước.

Ba: Từ câu “Trong nguyện của địa thứ nhất đã gồm đủ” tiếp xuống: Là chính thức giải thích văn của kinh. “nhằm dựa nơi Trí của Như Lai” tức là nghĩa mong cầu đạt được

Sớ câu: Từ câu “có ít phần còn lại chưa gọi là thanh tịnh” tức Quả hệ luy nơi vô thường, với tập khí vi tế.

Sớ câu: Từ câu “Chính do tích chứa công năng để đạt đến công năng của sự không dụng công” là tóm kết, xác nhận nghĩa thù thắng so với địa sau. Địa sau không còn dụng công là nhân nơi dụng công của địa này chia thành, nên gọi đó là thù thắng, chẳng phải là chỗ thù thắng của thể hiện hành.

Sớ câu: Từ câu “Nghĩa một, như sáu địa là tạp nhiễm” tiếp xuống: là Luận chung về Nhiễm, Tịnh nên có bốn môn:

Một: Về hàng phàm phu, ngoại đạo, gọi là hoàn toàn Nhiễm, cõi Thiện trở lên cho đến “Giải Hành” gọi là Nhiễm Tịnh, địa thứ nhất trở lên mới gọi là thuần Tịnh.

Hai: Cõi thiện cũng là Nhiễm. Chúng tánh trở lên là Nhiễm Tịnh. Thuần Tịnh giống như trước.

Ba: Trước địa đều là Nhiễm. Địa thứ nhất đến địa thứ bảy cũng gọi là Nhiễm Tịnh. Địa thứ tám trở lên mới gọi là thuần Tịnh.

Nay gọi là môn Thứ ba.

Số câu: Từ câu “Như thế, địa này gọi là Nhiễm Tịnh, nên chẳng phải là Hành Nhiễm” nghĩa là, căn cứ theo Hành thì chẳng phải là Nhiễm. Căn cứ nơi Quả vị thì ở trong Nhiễm

Số câu: Từ câu “do hai Nhân” hai Nhân tức trong kinh nói:

Một là: Do hồi hướng về đạo quả Bồ Đề

Hai là: Một phần đạt được đạo bình đẳng

Câu: “Sau, nhưng chưa” tiếp xuống: Tức kinh nói: “Nhưng chưa gọi là vượt khỏi Hành phiền não” Nay Sở giải thích: Do hai nhân trên nên chẳng phải là siêu vượt, dùng hai nhân trên được gọi là thanh tịnh, thành nơi Hành tịnh.

“Nay do hai nhân nên trở lại đồng với Nhiễm” đã nhân nơi hồi hướng và một phần chỗ bình đẳng mà được mang tên thanh tịnh, tức nêu rõ chẳng phải là quả vị thanh tịnh, nên đồng với Nhiễm. Chẳng giống với chỗ thanh tịnh nơi hành báo của địa thứ tám.

Số câu: Từ câu “Tiếp theo, trong dụ thì Luân vương dụ trong địa thứ bảy, tùy theo phần mà bỏ đạo dụng công”: Là lược nêu về chỗ chính, đây là nghĩa “Hành tịnh” phân biệt khác phước báo đạt được thanh tịnh của Phạm vương. Nhưng dựa theo trong chỗ kết hợp thì hai dụ đều có năm đoạn đến phần sau sẽ rõ.

Mà nói: “Phạm vương du hành nơi ngàn cõi” tức ngàn bốn cõi thiên hạ. Dựa theo Luận Câu Xá thì dung lượng cõi Nhị thiên bằng Tiểu thiên thế giới, Tam thiên bằng Trung thiên, Tứ thiên bằng Đại thiên thế giới, nên sinh Phạm thế được du hành ngàn cõi.

Số câu: Từ câu “Thứ hai là biện minh riêng địa này cũng chẳng phải là Nhiễm Tịnh” vẫn gồm hai:

Một: Nêu rõ chỗ vượt qua

Hai: biện biệt chỗ cũng chẳng phải là (cùng phủ nhận)

Nơi phần một gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Giải thích tổng quát.

Thứ hai: Từ câu “trước là cầu Tâm của Phật” tiếp xuống: là chỉ rõ

chỗ vượt qua., đây có hai loại:

Một là: căn cứ trong đạo đã cầu mong mà biện minh. Tham sân si tức là sở tri chướng. Trung Trí tức là nghĩa chướng, nơi sáu địa trước có, địa thứ bảy đều vượt qua.

Hai là: “Lại, địa thứ nhất” tiếp xuống: Tức chính là vượt khỏi phiền não, sáu địa trước, ở trong “câu sinh”, phân biệt từng phần mà vượt qua. Mà ở đây thì đều vượt qua hết. Luận Duy Thức viết “Có vĩnh viễn làm khuất phục hết thảy như A-la-hán”

Số câu: Từ câu “mà gọi là nhiều” tiếp xuống: Trên là nêu rõ sự vượt qua tổng quát, tức chẳng phải là Nhiễm. Từ đây trở xuống là biện minh về chỗ vi tế, chưa vượt qua tức chẳng phải là Tịnh.

“Do đây mà sinh” tiếp xuống: Là nghĩa cùng phủ nhận cả hai. Cho nên Luận phần trước nói “Bồ-tát Trụ ở địa thứ bảy ấy, đã vượt quá nhiều tham dục cùng nhiều thứ phiền não nhưng chưa tới “báo địa”. Tức nói “do đó địa này chẳng gọi là lìa, nên biết rõ là nối tiếp phần trước, biện minh là cùng phủ nhận cả hai.

Số câu: Từ câu “Thứ năm, Phật tử! Bồ-tát trụ nơi.. cho đến cùng Hành quả” văn nơi bản Sở giải gồm năm phần:

Một: Giải thích tên gọi chung

Hai: Từ câu “văn phân làm” tiếp xuống: là chia chướng

Ba: Từ câu “Đại sư Tuệ Viễn nói” tiếp xuống: Là biện biệt về chỗ tùy theo

Bốn: Từ câu “lại nữa phần thứ nhất” tiếp xuống: Là biện biệt về tướng cùng hành

Năm: Từ câu “căn cứ trong quả thứ nhất” tiếp xuống: Là giải thích văn.

Trong phần ba, ý của phần Sở giải là muốn thông tỏ nên dẫn lời của Đại sư Tuệ Viễn để phối kết riêng. Phần này gồm bốn chi tiết:

Thứ nhất: Do chỗ lìa chướng, nên đến trong địa này thì ba nghiệp đều thanh tịnh

Thứ hai; do ở trước một niệm song hành, nên chẳng bỏ chỉ quán cùng hành, Tam muội chuyển tăng nên gọi là thù thắng

Thứ ba “Thắng hành” chuyển tăng nên gọi là địa vượt qua

Thứ bốn: Do trước có Trí phương tiện dấy khởi hành thù thắng nay Hành ấy thành tựu, gọi là đạt được “ thắng hành”

Phần Sở giải căn cứ trong quả thứ nhất lại chia ra làm bốn:

Một là: Giới Thanh tịnh

Hai là; Trí thế gian thanh tịnh

Ba là: Được tự thân thù thắng
 Bốn là: Được lực dụng hơn hẳn

Lại nữa, trong bốn thứ này thì ba thứ đầu là tự phần, một thứ sau là thắng tiến. Nơi phần đầu thì thứ nhất là lia lõi lằm, hai thứ sau là thành thiện. Trong thiện có hai: Trước là Dụng của Hành sau là Thể của Hành. Nhưng số đều phân biệt đầy đủ khiến dễ nhận thấy.

Sớ câu: Từ câu “Thứ nhất là nêu rõ việc lia bỏ chướng của Định” thứ hai tức chướng của Trí, do sự đối trị ở trên nên lia hai chướng. Nhưng Thiền v.v... tuy trước đã giải thích nay sẽ lược nêu những điểm chính cần biết. Thiền tức bốn Thiền, Tam muội tức ba Tam muội. Tam-ma-bát-đề, theo như sớ thì có năm thứ. Luận thì nói Tam-ma-bạt-đề tức theo lối dịch cổ. thần thông không tức là năm thần thông. Giải thoát là tám giải thoát. Trong kinh thì trước là làm rõ chỗ thành tựu. Sau từ câu: “Nhưng là” tiếp xuống là đối chiếu với phần sau để phân biệt chỗ kém. Nơi Luận thì trước là lược nêu rõ: Bốn thiền được lực dụng thù thắng, Thiền v.v...hiện tiền hơn hẳn như kinh đã nêu. Tiếp theo, phân biệt lần nữa nói “Trong đó dựa nơi thiền dấy khởi Tam muội. Tam ma bạt đề, thần thông giải thoát, là để giáo hóa chúng sinh, thể hiện hành an lạc tịch diệt. Tam ma bạt đề của diệt định, thứ lớp là như thế”

Giải thích: ở đây Luận chủ nêu rõ là đạt được lực dụng thù thắng gồm đủ Tam Thiền Tứ Thiền là chủ thể dấy khởi.

Một là: Đạt được Tam muội v.v... tức là Thiền dẫn dắt phát sinh công đức

Hai là: Nhằm giáo hóa chúng sinh, tức nêu ra ý của sự dẫn dắt phát sinh, là Thiền đem lại lợi ích cho chúng sinh

Ba là: Từ câu “Thể hiện sự an lạc tịch diệt” tiếp xuống:tức là Thiền của “hiện pháp lạc trú”

Nhưng chín định thứ đệ đều là “Hiện pháp lạc trú”. Nay, từ chỗ tối thắng nêu lên pháp diệt định kia, chính là chỗ an trụ của định này.

Sớ câu: Từ câu “ Cho là ý chính ở đây” tiếp xuống: Là căn cứ ở đây để biện biệt về thắng hạnh định tán tự tại nên gọi là Thắng Hạnh.

Sớ câu: Từ câu “Sau địa này tiếp xuống là lia chướng của Trí căn cứ vào quả của nghiệp thanh tịnh ấy, tức “Quả song Hành” ở trước. Chỗ song hành ở trước có bốn:

Một: Hai hành cùng không gián đoạn

Hai: Tin tưởng thù thắng hai thứ Tam muội này là quả

Ba: Tạo nghĩa lớn

Bốn: Bồ đề phần sai biệt. Tức nghiệp thanh tịnh là Quả.

Số câu: Từ câu “Ba là dựa nơi một danh hiệu mà nêu bày một vô lượng nghĩa” tức nhận biết diệu chỉ của giáo pháp

Sau, nghĩa với nhiều tên gọi là nhận biết về sự giảng giải giáo pháp. Luận giải thích kinh về phần ba gọi là Tam muội ích ý, nghĩa có thể làm cho Tâm trong lặng.

Số câu: Từ câu “Đây là căn cứ nơi chỗ dựa vào Quả vị” sáu địa trước là nhờ vào hàng phàm phu, Tiểu thừa nên chưa vượt qua

Thứ tư là đạt được “thắng hạnh”

Số câu: Từ câu “Chẳng khởi diệt định, hiện các uy nghi” tức ý nơi kinh Tịnh Danh, quyển thứ nhất, chương Tôn giả Thân Tử, ở trước đã nêu dẫn, nhưng ở phần mười thông thì thông thứ mười viết “Bồ-tát Mahatát, do Trí thông nơi Tam muội Nhất Thiết pháp diệt tận, ở trong niệm niệm hội nhập pháp Tam muội Nhất Thiết pháp diệt tận nên cũng không thối chuyển nơi Bồ-tát đạo, chẳng bỏ sự nghiệp Bồ-tát chẳng lìa tâm đại từ đại bi tu tập các pháp Ba-la-mật chưa từng dừng nghỉ...” tức là động tĩnh không hai

Số câu: Từ câu “Dựa theo kinh Đại Phẩm, chưa gọi là thiện xảo, trước cũng có dụ ấy” Kinh viết “Ví như có người không hiểu rõ về phương pháp dùng thuyền, lại đi thuyền vào biển cả, thuyền bị chìm mà chết. Bồ-tát cũng như thế, chưa đạt được phương tiện Ba-la-mật, lại đi vào biển thực tế tức chứng đắc thực tế. Tiếp theo viết; “Ví như có người khéo biết về phương pháp sử dụng thuyền, tuy đi vào biển lớn mà chẳng bị chìm đắm. Bồ-tát cũng như thế đã chưa được phương tiện Ba-la-mật, thì tuy hội nhập nơi thực tế mà chẳng tác chứng”

Số câu: Từ câu “Bốn là nhà chẳng đoạn hành, tuy nói là chẳng Nhiễm mà thị hiện có vợ con” tức là “Tuệ phương tiện “ trong Không, là Quán nơi không mà chẳng ngăn ngại Có “tuy đốt mà chẳng cháy” tức là “Hạnh thù thắng “ trong có, bước vào nẻo Có mà Không mê chấp nơi Không. Chỉ đoạn văn của kinh này đã nêu đủ hai câu ấy. Trên dưới cũng Có mà chẳng đủ, là đều dùng hai câu để hổ tương thâm tóm, dẫn dắt...

Số câu: Từ câu “đều thuận theo năm dục mười quân là cảnh giới của Ma” căn cứ nơi cảnh giới của năm dục tức là cảnh giới của Ma vương đã duyên.

Nếu dùng để hỗ trợ tinh thần cùng làm tăng trưởng nơi thân, tức là cảnh giới “giới hạn”, “mười quân” đã nói ở hội thứ nhất.

Số câu: Từ câu “Tức pháp của bốn thứ Ma v.v...” Lão bệnh suy thoái gồm chung là “Uẩn ma” Tử là “Tử Ma” thời gian của già bệnh

cũng có hoặc (phiền não) đều tức là “Phiền não Ma”

Mà nói “vân vân” tức gồm có mười ma, chẳng cần có sinh, tức chẳng hành nơi nhân kia, vì sinh tức có lão tử

Số câu: Từ câu “đây có ba thứ” tức vô số phiền não, không ra ngoài ba thứ ấy là Kiến, Ái, Vô minh. Lại, Kiến, Ái tức là hai sử lợi độn. Vô minh thì gồm luôn việc trói buộc đối tượng bị nhận biết, tức hai chướng đều trói buộc.

Câu: “Như Phật đã chỉ rõ việc học nơi hai vị Tiên” như nơi kinh Bản Hạnh tập đã nói một là tiên nhân A la la, hai là tiên nhân Uất đầu lam phát

- *Địa thứ tám: Địa Bất Động*

Số câu: Từ câu “Sở dĩ có sự nối tiếp” gồm hai chi tiết

Thứ nhất: Dựa vào chỗ thật nơi quả vị

Thứ hai: Từ câu “Lại căn cứ vào” tiếp xuống: là dựa vào chỗ nương nơi quả vị

Số câu: Từ câu “Gọi là Bất động” tiếp xuống: là phần hai, giải thích tên gọi. Nêu dẫn tổng cộng là tám cách giải thích. nếu gồm luôn phần “Thích Luận” của Bồ-tát Vô tánh và thế thân thì có mười cách giải thích

Nơi phần sau tóm kết không ra ngoài ba nghĩa, mà Luận Duy Thức nêu ra đầy đủ nhất.

Một: Trước là nêu dẫn Luận. Sau từ câu “tức là tự nhiên” tiếp xuống là phần Số giải thích. Tức, Luận Duy Thức quyển thứ chín

Hai: Từ câu “so với bản phần thì đại thể là đồng” tức nơi Luận gốc. Luận viết “Hành của báo thuận thực, Vô tướng, không gián đoạn, nên gọi là bất động. “Hành báo thuận thực” tức là “Dụng công bất động”, những tu tập của địa trước đến ở đây là quả vị thành tự nên gọi là “Báo đã thuận thực”

Không, Có luôn hành gọi là “không gián đoạn” nên luôn ở nơi Quán Vô tướng

Ba: câu “Mà kinh Kim Quang Minh nói” tức nơi quyển thứ ba. Thứ nhất là nêu dẫn kinh, thứ hai từ câu “nhưng có hai nghĩa” tiếp xuống là phần Số giải thích câu không nói, không làm tương động. “song có hai nghĩa” do tướng ở trước tiếp xuống là nêu ra ý của kinh. Trước luôn ở Quán Vô tướng nên Tướng đã chẳng động. Ở đây, kinh nói Vô tướng chính là tu duy tu tập, là luôn Vô tướng. Phiền não chẳng động nên được tự tại, nên dụng công chẳng động

Bốn: Là cách giải thích của Nhiếp Luận. Trước hết là nêu dẫn

Luận.

Câu: “Đây tức lược, không nói đến phiền não” là Sở giải thích Luận

Nhưng nói “Lược không nêu” tức chẳng phải hoàn toàn là không. Hoặc do dụng của Tướng tức phiền não.

Từ câu “Bồ-tát Vô tánh” tiếp xuống: Là dẫn thích Luận kia, nơi quyển thứ nhất. Văn ấy nhiều, Diễn rộng, nên phần Sở giải chỉ nêu ý. Văn đầy đủ là “gọi là bất động nghĩa là tất cả Tướng, tất cả Hành đều chẳng thể làm động nơi Tâm kia. Trong địa thứ bảy, tuy hết thấy tướng đều không thể làm động, như Tướng chẳng hiện hành, nhưng chẳng tự tại, tự nhiên mà chuyển, phải có Gia hạnh. Nơi địa thứ tám thì tự nhiên mà chuyển, chẳng tạo Gia hạnh, đó là chỗ sai biệt của hai địa bảy và tám”

Tiếp theo viết “Bồ-tát thể thân đồng với kiến giải này” tức cũng ở quyển thứ bảy, Luận viết “Do nơi địa này, các Tướng cùng tất cả hành hiện có đều chẳng thể làm động. Trí không phạm biệt tự nhiên lưu hành”

Năm: câu “Kinh Giải Thâm Mật nói” tức nơi quyển thứ tư cũng cho tướng, Hành tức là phiền não.

Sáu: Là kiến giải của Luận Thập Trụ, tức nơi quyển thứ nhất

Từ câu: “đây tức căn cứ nơi người” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích

Bảy: “Kinh Nhân Vương gọi là” tức nơi quyển hạ. Từ câu “ ở trên đều” tiếp xuống: Là phần giải thích của sở. Tức thường ở nơi Quán Vô tướng nên gọi là “đẳng quán”

Tám: Tức phần sau của kinh có sự giải thích. Có thể nhận biết

Số câu: Từ câu “Cho nên chỗ lia chướng cũng lia” tiếp xuống: Là phần ba nói về chỗ lia chướng. (phần hai là giải thích tên gọi) cũng là văn của Luận Duy Thức. Nay sẽ nêu đầy đủ văn của Luận

“Tám là trong Vô tướng, tạo ra chướng của Gia hạnh. Nghĩa là một phần câu sinh trong sở tri chướng khiến cho Quán Vô tướng chẳng tự nhiên dấy khởi. Năm địa trước thì Quán Hữu tướng nhiều, Quán Vô tướng ít. Nơi địa thứ sáu, Quán Hữu Tướng ít, Quán Vô tướng nhiều. Trong địa thứ bảy, hoàn toàn là Quán Vô tướng. Tuy luôn nối tiếp mà có Gia hạnh. Do trong Vô tướng mà có Gia hạnh, nên chưa có thể tự nhiên hiện bày Tướng cùng cội (cảnh). Như thế Gia hạnh là chướng ngại đối với nẻo không dụng công trong địa thứ tám. Nếu khi vào được địa thứ tám thì liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Do đoạn trừ vĩnh viễn nên

có hai thứ tự tại, tức địa thứ tám này, gọi là đã đoạn trừ hai ngu cùng chỗ thô trọng ấy.

Một là: Ngu, ở nơi Vô tướng mà tạo tác dụng công

Hai: Là Ngu, ở nơi Vô tướng mà tạo tự tại, khiến ở trong Vô tướng mà chẳng được tự tại

Đây cũng là thấu tóm một phần Tướng cõi, địa thứ tám trở lên thuận là nẻo vô tận tự nhiên dấy khởi. Phiền não của ba cõi hoàn toàn không còn hiện hành. Trong Thức thứ bảy, phần Vi tế nơi Sở Tri Chương hãy còn cò thể hiện khởi. quả của Trí sinh không chẳng mâu thuẫn với điều này”

Giải thích: cầu đạt Vô tướng nên gọi là Gia hạnh, khiến cho Quán Vô tướng chẳng tự nhiên dấy khởi. Năm địa quán tâm kém nên Quán Vô tướng ít. Địa thứ sáu Quán nhiệm tịnh bình đẳng nên Quán Vô tướng nhiều. Địa thứ bảy tạo Gia hạnh. Nhưng theo Luận sư Hộ Pháp thì ở trong Vô tướng có tên Gia hạnh, Thể chẳng phải là chương do khéo an trụ. Chỉ do sở tri chương khiến tạo Gia hạnh nên gọi là chương của Gia hạnh. Vì địa thế bảy này có Gia hạnh, nên tuy hiện ra các tướng cùng cõi là vàng v.v... nhưng chẳng phải là tự nhiên hiện bày.

“Do là chương ngại trí sinh Không” tức Trí sinh Không là chỗ dấy khởi cho Hậu Đắc Trí cùng định Diệt tận. Trong kinh Kim Quang Minh nêu rõ về hai Ngu:

Một là; Vô minh nơi pháp Vô tướng mà dùng nhiều công lực

Hai là: Vô minh chấp mê tướng nên sự tự tại có thể được vượt qua, thứ còn lại có thể nhận biết. Sở giải chỉ nêu tóm tắt phần chính yếu, nhưng ý nghĩa phần sâu xa thì đã lược nêu đủ. Phần còn lại như trước đã nói

Sớ câu: Từ câu “về chỗ chứng Như” là phần bốn, bàn về sự chính đắc Như. Đây cũng là Luận Duy Thức, văn đầy đủ là:

“Tám là chân như chẳng tăng giảm. Nghĩa là chân như này lia mọi chấp giữ về tăng giảm, chẳng tùy theo nhiệm tịnh mà có tăng giảm. Đây tức cũng gọi là “Chân như Tướng độ tự tại sở y” (Chân như là chỗ dựa của Tướng cõi tự tại). Nghĩa là, nếu chứng đắc Chân như này thì mọi hiện Tướng, hiện cõi đều tự tại. Dùng Luận đối chiếu với phần Sở giải thì chỗ rộng, tóm có thể nhận biết

Tên gọi ấy tức do Nhiếp Luận gọi. Bồ-tát Thế Thân giải thích; “nghĩa là ở trong đó, khi tạp nhiễm giảm mà không có giảm. Lúc thanh tịnh tăng thì cũng chẳng có tăng”. Bồ-tát Vô tánh giải thích “ngoài pháp không có dụng, do đó chẳng tăng. Các pháp chẳng bị hoại, do đó chẳng

giảm. Bồ-tát Vô tánh lại giải thích hoàn toàn giống với Bồ-tát thế thân. Luận trung biên viết “Do thông đạt nên ở đây chứng đắc Viên mãn pháp nhãn Vô sinh. Ở trong các pháp thanh tịnh, tạp nhiễm, chẳng thấy một pháp có tăng có giảm”

Trên là giải thích chẳng tăng chẳng giảm. Lại nữa, Bồ-tát Thế Thân giải thích “Chân như là chỗ dựa của Tướng cõi tự tại” viết “ở trong các tướng mà được tự tại, gọi là Tướng tự tại. Tùy nơi chỗ mong muốn liền có thể hiện tiền. Nơi chỗ “hiện cõi” đều được tự tại. Như muốn làm cho cõi thành vàng báu v.v... thì theo ý mà thành”

Giải thích: Tướng căn cứ nơi hiện thân. Cõi căn cứ nơi khí thế gian. Cho nên trong văn đoạn sau, ở nơi ba thứ thế gian mà biện giải về tự tại.

Sớ câu: Từ câu “Cho nên chỗ thành Hành” tiếp xuống: Là phần năm nói về thành Hành, lược có hai chi tiết. Luận trang nghiêm quyển thứ tám viết “Tuy làm thanh tịnh cõi Phật mà không dấy khởi tạo tác” không dụng công tức nghĩa tự tại

Sớ câu: Từ câu “cùng chỗ đạt được quả” tiếp xuống: Là phần sáu nói về đạt được quả.

Nói: “Định tự tại” tức nơi Lương Nhiếp Luận viết “Thông đạt được pháp giới không tăng giảm, là định tự tại v.v... đạt được quả pháp thân” ý nói “vân vân” là chỉ do chín Tự tại. Kinh Kim Quang Minh nói địa thứ tám phát tâm, chứng được Tam muội.

